

Bản án số: **04/2020/HS-ST**
Ngày 20 tháng 01 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ.

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLHS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Khắc T**, sinh năm 1971; Nơi sinh: xã Bản Ng, huyện Lâm T, tỉnh P; Hộ khẩu thường trú: tổ 56, khu Hợp Ph, phường Minh Ph, thành phố V, tỉnh P; Chỗ ở: khu 10, xã Kim Đ, thành phố V, tỉnh P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Văn hoá: 7/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Khắc D (đã chết) và bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1941; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; Con: có 06 con, (chết 03 con), còn 03 con: lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2009; Anh chị em ruột: gia đình có 05 người, bị cáo là thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/8/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh P (Có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Thị D**, sinh năm 1993; Nơi sinh: xã Thanh X, huyện Thanh Ch, tỉnh Ngh; Hộ khẩu thường trú: xóm Xuân N, xã Thanh X, huyện Thanh Ch, tỉnh Ngh; Chỗ ở: số 135 đường Phạm Văn Đ, phường Xuân Đ, quận Bắc Từ L, thành phố H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Hưng K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Chồng, con: Chưa có; Anh chị em ruột: gia đình có 05 người, bị cáo là thứ tư; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh P. (Có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu 12B, thị trấn Lâm T, huyện Lâm T, tỉnh P.

2. Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu Cao Đ, phường Minh Ph, thành phố V, tỉnh P.

3. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu Hương T, phường Dữu L, thành phố V, tỉnh P.

4. Chị Đặng Thu H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã Cổ T, huyện Tam N, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có công ăn, việc làm ổn định, Nguyễn Khắc T- sinh năm 1971, có hộ khẩu thường trú tại khu Hợp Ph, phường Minh Ph, thành phố V, tỉnh P, nhưng thường xuyên sinh sống tại khu 10, xã Kim Đ, thành phố V, tỉnh P. T hoạt động kinh doanh cầm đồ, cho người khác vay nặng lãi nhiều năm nay. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chứng minh được 04 người vay tiền của T với lãi suất cao từ 3.000-5.000đ/1 triệu/1 ngày.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Khắc T tại khu 10, xã Kim Đ, thành phố V, tỉnh P đã thu giữ nhiều tài liệu sổ sách liên quan đến hành vi cho vay nặng lãi; 01 (một) gói có 05 (năm) viên nén màu xanh, 01 (một) gói chất rắn dạng tinh thể màu trắng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định số ma túy thu giữ tại nơi ở của T.

Tại Kết luận giám định số 1060/TB-PC09 ngày 26/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh P, kết luận:

“05 viên dạng nén màu xanh là ma túy tổng hợp loại MDMA, có khối lượng 2,418 gam; gói chất rắn tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp, loại Ketamine, có trọng lượng là 11,778 gam.

MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 27;

Ketamin là chất ma túy nằm trong Danh mục III, số thứ tự 35.”

Hoàn lại 1,867 gam MDMA và 10,730 gam Ketamin.

Về việc xác định trách nhiệm hình sự của Nguyễn Khắc T đối với hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy như sau:

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 và Phụ lục kèm theo quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), thì MDMA và Ketamine (là chất ma túy khác ở thể rắn) có khối lượng thuộc trường hợp dưới mức tối thiểu theo quy định tại điểm g và điểm l khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015; MDMA và Ketamine (là chất ma túy khác ở thể rắn) có khối lượng hoặc thể tích thuộc trường hợp quy định tại điểm c và g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì năm chất ma túy đều có khối lượng hoặc thể tích dưới mức tối thiểu đối với từng chất theo quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy sẽ áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định này để tính tổng khối lượng hoặc thể tích của cả năm chất ma túy như sau:

- Tỷ lệ của 2,418g MDMA (so với mức thấp nhất quy định tại khoản 2 của Điều 249 là 5g MDMA, chiếm tỷ lệ 48,36%);
- Tỷ lệ của 11,778g Ketamine (so với mức thấp nhất quy định tại khoản 2 của Điều 249 là 20g ma túy khác, chiếm tỷ lệ 58,89%).

Như vậy, tổng tỷ lệ của 02 loại ma túy trên là: $48,36\% + 58,89\% = 107,25\% > 100\%$. Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ thì Nguyễn Khắc T phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 249 BLHS.

Về nguồn gốc số ma túy, T khai khai nhận:

- 01 “tép” Ketamine T có được do đầu tháng 8/2019, T đi dự sinh nhật một người bạn tên H (T không xác định được tên họ, tuổi, địa chỉ ở đâu- T chỉ quen biết khi vào quán bar) tại quán “Bar” ở Hà Đ- H (T không nhớ địa chỉ), có nhiều “tép” ma túy bày trên bàn, sau khi Công an vào kiểm tra quán, lợi dụng sơ hở, T lấy 01 gói đem về cất giấu nhưng chưa sử dụng thì bị thu giữ.
- 05 viên ma túy tổng hợp T mua của Trần Thị D- sinh năm 1993 ở số nhà 135, đường Phạm Văn Đ, phường Xuân Đ, quận Bắc Từ L, thành phố H với giá 1.000.000đ vào ngày 24/08/2019;

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của D tại cơ sở kinh doanh Massage “Mai Cub” ở số 135, đường Phạm Văn Đ, phường Xuân Đ, quận Bắc Từ L, thành phố H, thu giữ 01 Ti nilon màu trắng chứa chất rắn tinh thể màu trắng; 01 hộp nhựa (dạng hộp đựng XILYTOL) bên trong có 02 “tép” chất rắn dạng tinh thể màu trắng đã qua sử dụng; 04 “tép” chất rắn tinh thể màu trắng; 01 Ti nilon bên trong có nửa viên nén hình tròn màu nâu. Tổng khối lượng 16,438gam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P đã trưng cầu giám định số ma túy thu giữ tại nơi ở của D.

Tại Kết luận giám định số 1075/KLGĐ ngày 29/08/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh P, kết luận:

“- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 Ti nilon màu trắng, bên ngoài được gói bằng lớp băng dính nhựa màu đen, gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 10,222 gam, loại: Ketamine;

- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng bám dính trong 02 Ti nilon màu trắng được đựng trong hộp nhựa (loại hộp đựng kẹo cao su XILYTOL) gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine;

- Mẫu chất bột, cục màu nâu trong 01 Ti nilon màu trắng, được đựng trong hộp nhựa (loại hộp đựng kẹo cao su XILYTOL) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,198 gam, loại MDMA;

- Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong 04 Ti nilon nhỏ, màu trắng, được đựng trong 01 Ti nilon màu trắng, đựng trong hộp nhựa (loại hộp đựng kẹo cao su XILYTOL), gửi đến giám định là ma túy, có tổng khối lượng: 6,018 gam. loại Ketamin.

MDMA: số thứ tự 35, Danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

Ketamine: số thứ tự 35, Danh mục III, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.”

Hoàn lại 7,624g và 4,927g Ketamine; 0,082g MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Khắc T và Trần Thị D thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, còn bán ma túy cho các đối tượng sau:

- Ngày 19/08/2019 D bán 10 viên ma túy tổng hợp và 01 “tép” ma túy tổng hợp loại Ketamine cho Vũ Thị Hằng- sinh năm 1989, ở Khu Bắc Cường, Thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

- Ngày 29/06/2019 D bán 05 viên ma túy tổng hợp và 01 “tép” ma túy tổng hợp loại Ketamine cho Trần Thị Hàn L- sinh năm 1996, ở số 48/115 Nguyễn Lương B, Nam Đ, Đống Đ, H với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Ngày 11/07/2019 D bán 09 viên ma túy tổng hợp và 4 “tép” Ketamine cho L với tổng số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

D không trực tiếp giao ma túy cho L mà nhờ 02 đối tượng sau:

Một là, Đặng Văn Th- sinh năm 1995, hộ khẩu ở Khu 8, xã Xuân V, huyện Xuân Tr, tỉnh N là nhân viên quán Massager “Mai Club” do D là người quản lý. Ngày 29/06/2019 D chỉ đạo Thông đã chuyển cho Trần Thị Hàn L 05 viên ma túy tổng hợp dạng nén và 01 “tép” Ketamine.

Hai là, Đặng Danh Th- sinh năm 1997, hộ khẩu ở Thôn 1 Tc, xã Phúc L, huyện Lục Y, tỉnh Y là nhân viên quán Massager “Mai Club”. Ngày 11/07/2019 D chỉ đạo Th đã chuyển cho Trần Thị Hàn L 09 viên ma túy tổng hợp và 4 “tép” Ketamine (ma túy tổng hợp).

D khai nhận số ma túy có được là D mua của một nam giới tên H (D không biết tên họ, địa chỉ của H ở đâu), là người bán ma túy tổng hợp tại quán bar “Hey Club” có địa chỉ tại: số 57 Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà N, (thường gọi là H Thao hoặc H Thảo), đối tượng thường xuyên xuất hiện tại Quán Bar HEY CLUB nhiều lần bán ma túy cho D ở khu vực đường Trần Nhật D, phường Đồng X, quận Hoàn K, H.

Đối với Đặng Văn Th và Đặng Danh Th là hai đối tượng giúp cho D bán ma túy cho Trần Thị Hàn L, qua xác minh Th và Th không có mặt tại địa phương trong thời gian dài. Do đó, chưa có cơ sở để xử lý đối với Th và Th, Cơ quan điều tra có quan điểm tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người nam giới tên H- D khai là người đã bán ma túy cho D, do không xác định được tên họ, tuổi, địa chỉ ở đâu nên chưa xác định được người này là ai. Cơ quan điều tra cũng tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Vũ Thị H, Trần Thị Hàn L đã khai báo thành khẩn về hành mua ma túy của Trần Thị D là để sử dụng cá nhân, không bán cho người nào khác, quá trình điều tra cũng không thu giữ được số ma túy mà L và H đã mua của D. Cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với L và H (Áp dụng khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực ANTT mức hình phạt là cảnh cáo).

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Khắc T:

Do bản thân không có công ăn việc làm nên Nguyễn Khắc T kinh doanh cầm đồ cho người khác vay tiền với mức lãi xuất cao từ 4.000đ- 6.000đ/1 triệu/1 ngày. Đầu năm 2019, T thuê địa điểm mở cửa hàng cho thuê xe tự lái tại khu đô thị Minh Ph, thành phố V để làm nơi giao dịch việc cho vay. Tại đây, Tạ Văn H- sinh năm 1993, có hộ khẩu ở Khu 1, xã Sơn V, Lâm T, P là người quen của T đến sinh sống và trông coi quán cho T; Đào Tuấn A- sinh năm 1995, có hộ khẩu ở tổ 25A, Khu 9, Thanh M, V, P thỉnh thoảng đi thu tiền lãi cho T. Khi khách có nhu cầu vay tiền sẽ đến quán gặp T và T yêu cầu viết 03 loại giấy gồm: Giấy vay tiền, giấy mượn xe và giấy bán xe, mục đích để khi khách không có khả năng trả nợ thì T mang những giấy tờ này ra ép người vay nếu không trả sẽ làm đơn kiện về tội lừa đảo làm cho khách vay lo sợ phải bán nhà cửa, đất đai hoặc tài sản có giá trị để trả cho T. Bằng thủ đoạn trên T đã thu lời bất chính với số tiền rất lớn của nhiều người vay.

Cơ quan CSĐT đã làm rõ được 04 (bốn) người vay tiền của T với số tiền thu lời bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho 04 người vay là: 323.733.200đ (*Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng*). Cụ thể như sau:

1. Chị Tạ Thị Th- sinh năm 1962;

Hộ khẩu thường trú: khu 12B- thị trấn Lâm Th- huyện Lâm Th- tỉnh P.

Trong thời gian từ 11/07/2018 đến 01/08/2018 Tạ Thị Th vay tổng số tiền của Nguyễn Khắc T là: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi xuất vay là: 4000đ/1 triệu/1 ngày, đến ngày 01/04/2019 Th đã trả tiền lãi được 09 tháng với tổng số tiền là: 613.000.000đ (sáu trăm mười ba triệu đồng), tiền gốc đã trả được 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Số tiền lãi T thu được từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2019 do cho chị Th vay với lãi xuất cao là: 613.000.000đ (*Sáu trăm mười ba triệu đồng chẵn*).

Trong đó:

- số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 85.000.000đ;
- số tiền lãi từ trên 20% là: 528.000.000đ (*Năm trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn*).
- số tiền thu lời bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị Th vay là: 188.119.000đ (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng*).

2. Chị Lê Thị Ng- sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú: khu Cao Đ - Minh Ph, V, P;

Đầu năm 2018 Lê Thị Ng vay của Nguyễn Khắc T tổng số tiền là: 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi xuất vay: 4000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được từ tháng 1/2018 đến tháng 8/2019 do cho chị Ng vay với lãi xuất cao là: 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn*), tiền gốc chưa trả. Trong đó:

- số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 16.666.700đ;
- số tiền lãi từ trên 20% là: 103.333.300đ (*Một trăm linh ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng chẵn*).
- số tiền thu lời bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị Ng vay là: 36.690.000đ (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

3. Chị Nguyễn Thu H- sinh năm 1981;

Hộ khẩu thường trú: tổ 4A, khu Hương Tr, D, V, P.

Khoảng tháng 10/2017 Nguyễn Thu H vay tổng số tiền của Nguyễn Khắc T là: 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), lãi xuất vay là: 5000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được từ tháng 1/2018 đến tháng 9/2018 do cho chị H vay với lãi xuất cao là: 27.000.000đ (*hai mươi bảy triệu đồng*), tiền gốc chưa trả.

Trong đó:

- số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 3.000.000đ;
- số tiền lãi từ trên 20% là: 24.000.000đ (*Hai mươi tư triệu đồng chẵn*).

- số tiền thu lời bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị H vay là: 12.004.200đ (*Mười hai triệu không trăm linh từ nghìn hai trăm đồng*).

4. Chị Đặng Thu H- sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú: Khu 6, C, Tam N, P.

Ngày 04/10/2018 Nguyễn Khắc T cho Đặng Thu H vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày.

Theo lời khai của chị Huyền, thì từ tháng 10/2018 đến tháng 04/2019 chị H đã trả cho T tổng số tiền lãi là 384.000.000đ (*ba trăm tám mươi tư triệu đồng*), tiền gốc chưa trả.

Tuy nhiên quá trình lấy lời khai và đối chất, T thừa nhận việc cho Huyền vay 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày nhưng chỉ nhận được tổng số tiền lãi của 03 tháng là 198.000.000đ (*một trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Do việc thanh toán tiền lãi giữa các bên không có tài liệu gì khác chứng minh, nên xác định số tiền lãi T thu được khi cho chị H vay tiền là: 198.000.000đ (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng chẵn*). Trong đó:

- số tiền lãi đến 20% theo quy định của BLDS là: 22.222.000đ;

- số tiền lãi từ trên 20% là: 175.778.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

- số tiền thu lời bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị H vay là: 86.920.000đ (*Tám mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, xác định Nguyễn Khắc T còn cho 145 người vay tiền, nhưng những người này không có mặt tại địa phương hoặc không hợp tác (không thừa nhận T cho vay với lãi xuất cao hoặc không làm việc với Cơ quan điều tra) do vậy chưa xác minh làm rõ được số tiền trả lãi là bao nhiêu. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục các minh cung cố tài liệu khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Tạ Văn H, Đào Tuấn A cả hai đối tượng đều làm thuê cho Nguyễn Khắc T để lấy tiền công, không được bàn bạc thống nhất về nội D phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cũng không được hưởng lợi gì từ hoạt động phạm tội của T, do đó vấn đề xem xét về hình sự không đặt ra. Cơ quan CSĐT xử lý Tạ Văn H, Đào Tuấn A bằng hình thức nhắc nhở để giáo dục.

Quá trình điều tra xác định T có sở điều trị bệnh động kinh của Bệnh viện tâm thần. Ngày 25/10/2019 Cơ quan CSĐT phối hợp với Trại tạm giam - Công an tỉnh P đưa bị can Nguyễn Khắc T đến giám định pháp y tâm thần tại Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 91/KLGD ngày 02/12/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc (ở tỉnh Phú Thọ) kết luận:

“1. Nguyễn Khắc T, SN: 1971, HKTT: tổ 56, Khu Hợp Ph, Minh Ph, V, P bị bệnh Động kinh có rối loạn tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/08/2019 Nguyễn Khắc T bị bệnh Động kinh có rối loạn tâm thần, hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Nguyễn Khắc T hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.”

Tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan CSĐT xác định hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự do T thực hiện liên tục trong một thời gian dài từ năm 2013 đến trước thời điểm bị bắt là ngày 25/8/2019 (thời điểm xác định T hạn chế khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi).

Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phú thọ truy tố các bị cáo về các tội cụ thể như sau:

Bị cáo Nguyễn Khắc T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 249 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Thị D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật đã được bản Cáo trạng viện dẫn và đề nghị Hội đồng xét xử:

a. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Khắc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”; bị cáo Trần Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

b. Về điều luật và hình phạt:

- Đối với bị cáo Nguyễn Khắc T: Áp dụng khoản 2 Điều 201; khoản 2 Điều 249 ; điểm q, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”); khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo T từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt từ 100 đến 150 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

- Đối với bị cáo Trần Thị D: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo D từ 04 đến 05 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt.

c, Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) khẩu súng nhựa màu đen loại súng bột lửa (đã hư hỏng);
- 01(một) bì giấy đã được dán kín niêm phong, bên ngoài có đóng 05 (Năm) hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P và chữ ký của Nguyễn Anh H, Trần Thị D, Trần Anh T, Hoàng Thanh H tại các mép dán. Bên trong có 16,438gam ma túy tổng hợp các loại.
- 01(một) hộp giấy bên ngoài có dán 02(hai) tem niêm phong, trên mỗi tem niêm phong có 04(bốn) chữ ký của Nguyễn Anh H, Lê Tiến Tr, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Khắc T và 02(hai) hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P. Bên trong có ma túy tổng hợp còn lại sau giám định.
- 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng có số IMEI: 356566080204043, lắp sim số thuê bao 0973793773.
- Trả lại cho Nguyễn Khắc T số tiền 31.050.000đ (Ba mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

d, Về trách nhiệm khác:

- Buộc Trần Thị D phải nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc bán ma túy cho H, L, T. Tổng số tiền là: 33.200.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).
- Đối với số tiền thu lời bất chính, số tiền gốc, lãi từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đề nghị như sau:
 - + Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo T chưa trả của vì đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo T.
 - + Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật.
 - + Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo T số tiền gốc do bà Tạ Thị Th đã trả và số tiền lãi đến 20% phát sinh từ tội phạm đối với các trường hợp bị cáo cho vay nặng lãi.

e. Về án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Khắc T và Trần Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Khắc T phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Khắc T và Trần Thị D đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã xác định:

Ngày 25/8/2019, tại nơi ở của Nguyễn Khắc T tại khu 10, xã Kim Đ, thành phố V, tỉnh P, Nguyễn Khắc T đã có hành vi tàng trữ trái phép các chất ma túy với định lượng: 2,418gam MDMA và 11,778gam Ketamine. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, T còn cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định, trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã chứng minh được 04 người vay tiền của T mức lãi suất từ 4.000-5.000đ/1 triệu/ ngày, với số tiền thu lãi bất chính là: 323.733.200đ (Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn hai trăm đồng). Cụ thể:

- Chị Tạ Thị Th vay của T tổng số tiền là: 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), lãi suất vay là: 4000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được từ tháng 7/2018 đến tháng 4/2019 do cho chị Th vay với lãi suất cao là: 613.000.000đ (Sáu trăm mười ba triệu đồng chẵn), số tiền thu lãi bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị Th vay là: 188.119.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

- Chị Lê Thị Ng vay của T tổng số tiền là: 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất vay: 4000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được từ tháng 1/2018 đến tháng 8/2019 do cho chị Ng vay với lãi suất cao là: 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Số tiền thu lãi bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị Ng vay là: 36.690.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thu H vay của T tổng số tiền là: 20.000.000 (hai mươi triệu đồng), lãi suất vay là: 5000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được từ tháng 1/2018 đến tháng 9/2018 do cho chị H vay với lãi suất cao là: 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Số tiền thu lãi bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị H vay là: 12.004.200đ (Mười hai triệu không trăm linh từ nghìn hai trăm đồng).

- Chị Đặng Thu H vay của T số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) với lãi suất 5000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền lãi T thu được khi cho chị H vay tiền là: 198.000.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu đồng chẵn). Số tiền thu lãi bất chính vượt quá 5 lần mức lãi suất

cao nhất được quy định tại Bộ luật dân sự mà T được hưởng lợi khi cho chị H vay là: 86.920.000đ (Tám mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Do đó, T còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cơ quan điều tra đã xác định được nguồn gốc số ma túy MDMA (05 viên ma túy tổng hợp) T có được là do mua của Trần Thị D; ngoài ra, D còn bán trái phép chất ma túy cho Trần Thị Hàn L 02 lần với tổng số tiền 28.000.000đ; bán trái phép chất ma túy cho Vũ Thị H 10 viên ma túy tổng hợp với số tiền 4.500.000đ. Khám xét nơi ở của D thu giữ được 0,198gam MDMA và 16,24gam Ketamine D khai số ma túy trên nhằm mục đích bán cho người khác. Do đó, D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Khắc T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 249 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; hành vi của Trần Thị D đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật

[2] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi mua bán tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự của bị cáo T đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Hành vi của các bị cáo còn rất nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Trước tình hình loại tội phạm này có chiều hướng tăng và diễn biến phức tạp, đòi hỏi pháp luật phải xét xử nghiêm, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Khắc T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

Bị cáo Trần Thị D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Nguyễn Khắc T quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Ngày 18/12/2019 Công an xã Bản Ng, huyện Lâm T, tỉnh P có công văn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T do đã tích cực giúp đỡ, cung cấp thông tin về mọi hoạt động của tụ điểm mua bán trái phép chất ma túy tại khu 9, xã Bản Ng. Công an xã Bản Ng báo cáo Công an huyện Lâm T lên kế hoạch triệt phá tụ điểm mua

bán trái phép chất ma túy trên bắt giữ Lê Thị Th, sinh năm 1968, địa chỉ: khu 9, xã Bản Ng, huyện Lâm T, tỉnh P có hành vi mua bán trái trái phép chất ma túy; Khi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là bố đẻ bị cáo ông Nguyễn Khắc D là người có công với cách mạng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo đối với cả hai tội. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian; đối với tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” chỉ cần lên cho bị cáo mức hình phạt tiền cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Trần Thị D quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú khai ra hành vi bán trái phép chất ma túy cho Vũ Thị H và Trần Thị Hàn L nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là bố đẻ bị cáo ông Trần Hưng K là người có công với cách mạng. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo xác minh của cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị D không có tài sản gì ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu; bị cáo Nguyễn Khắc T có một số tài sản có giá trị nhưng là tài sản chung của vợ chồng và hiện đang thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay nợ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[5] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định bị cáo T còn cho 145 người vay tiền, nhưng những người này không có mặt tại địa phương hoặc không hợp tác (không thừa nhận T cho vay với lãi suất cao hoặc không làm việc với Cơ quan điều tra) do vậy chưa xác minh làm rõ được số tiền trả lãi là bao nhiêu. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh củng cố tài liệu khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Tạ Văn H, Đào Tuấn A cả hai đối tượng đều làm thuê cho Nguyễn Khắc T để lấy tiền công, không được bàn bạc thống nhất về nội D phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và cũng không được hưởng lợi gì từ hoạt động phạm tội của T, do đó vấn đề xem xét về hình sự không đặt ra. Cơ quan CSĐT xử lý Tạ Văn H, Đào Tuấn A bằng hình thức nhắc nhở để giáo dục là phù hợp.

Đối với Đặng Văn Th và Đặng Danh Th là hai đối tượng giúp cho bị cáo D bán ma túy cho Trần Thị Hàn L, qua xác minh Th và Th không có mặt tại địa phương trong thời gian dài.

Do đó, chưa có cơ sở để xử lý đối với Th và Th, Cơ quan điều tra có quan điểm tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người nam giới tên H, bị cáo D khai là người đã bán ma túy cho D, do không xác định được tên họ, tuổi, địa chỉ ở đâu nên chưa xác định được người này là ai. Cơ quan điều tra cũng tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Vũ Thị H, Trần Thị Hàn L đã khai báo thành khẩn về hành mua ma túy của bị cáo D là để sử dụng cá nhân, không bán cho người nào khác, quá trình điều tra cũng không thu giữ được số ma túy mà L và H đã mua của D. Cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với L và H (Áp dụng khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167 ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực ANTT mức hình phạt là cảnh cáo).

[6] Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đã đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Cần buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc đã vay của bị cáo T chưa trả của vì đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội của bị cáo T.

Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền lãi vượt quá 20% theo quy định của pháp luật.

Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo T số tiền gốc do bà Tạ Thị Th đã trả và số tiền lãi đến 20% phát sinh từ tội phạm đối với các trường hợp bị cáo cho vay nặng lãi.

[8] Về xử lý vật chứng:

Số tiền thu lời bất chính từ việc bán ma túy của bị cáo D cần buộc bị cáo nộp sung quy Nhà nước.

Một chiếc điện thoại di động kèm theo sim thu được của bị cáo D dùng vào việc thực hiện tội phạm cần tịch thu sung công.

Vật chứng khác như ma túy, tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền thu giữ của bị cáo T cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự. Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên; Kiểm sát viên, thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo:

- Nguyễn Khắc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

- Trần Thị D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm g, 1 khoản 2 Điều 249; điểm q, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”); khoản 1 Điều 54; Điều 38 (đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”); Điều 35 (đối với tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”) Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Khắc T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2019.

Phạt bị cáo Nguyễn Khắc T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”. Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Khắc T đối với cả hai tội.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị D.

Xử phạt bị cáo Trần Thị D 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo Trần Thị D.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 468, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Khắc T số tiền 226.888.700đ (Hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm đồng. Trong đó tiền nợ gốc bà Tạ Thị Th trả là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); tiền lãi đến 20% số tiền vay của bà Tạ Thị Th là 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng); tiền lãi đến 20% số tiền vay của chị Lê Thị Ng là 16.666.700đ (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng); tiền lãi đến 20% số tiền vay của chị Nguyễn Thị H là 3.000.000đ (Ba triệu đồng); tiền lãi đến 20% số tiền vay của chị Đặng Thu H là 22.222.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Khắc T là phương tiện phạm tội để sung ngân sách Nhà nước, gồm: Bà Tạ Thị Th số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Chị Lê Thị Ng số tiền 125.000.000đ

(Một trăm hai mươi lăm triệu đồng); Chị Nguyễn Thu H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Chị Đặng Thu H số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Khắc T phải trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tổng số tiền là: 831.111.300đ (Tám trăm ba mươi một triệu một trăm mười một nghìn ba trăm đồng). Trong đó trả cho bà Tạ Thị Th số tiền 528.000.000đ (Năm trăm hai mươi tám triệu đồng); trả cho chị Lê Thị Ng số tiền 103.333.300đ (Một trăm linh ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng); trả cho chị Nguyễn Thu H số tiền 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng); trả cho chị Đặng Thu H số tiền 175.778.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu, mà bị cáo T vẫn chưa trả được số tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa trả được. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 01 (Một) khẩu súng nhựa màu đen loại súng bật lửa (đã hư hỏng);

+ 01(Một) bì giấy đã được dán kín niêm phong, bên ngoài có đóng 05 (Năm) hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P và chữ ký của Nguyễn Anh H, Trần Thị D, Trần Anh T, Hoàng Thanh H tại các mép dán. Bên trong có 16,438gam ma túy tổng hợp các loại.

+ 01(Một) hộp giấy bên ngoài có dán 02(Hai) tem niêm phong, trên mỗi tem niêm phong có 04(bốn) chữ ký của Nguyễn Anh H, Lê Tiến Tr, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Khắc T và 02(Hai) hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P. Bên trong có ma túy tổng hợp gồm 05 viên ma túy tổng hợp dạng nén màu xanh và 01 gói ma túy tổng hợp chất rắn dạng tinh thể màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01(Một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng có số IMEI: 356566080204043, lắp sim số thuê bao 0973793773 của bị cáo Trần Thị D.

(Tình trạng vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ ngày 09 tháng 01 năm 2020).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Khắc T 31.050.000đ (Ba mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Cơ quan cảnh sát điều tra- TCông an tỉnh P có trách nhiệm chuyển số tiền trên đến cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

- Buộc bị cáo Trần Thị D phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 33.200.000đ (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền bán ma túy cho Vũ Thị H ngày 19/8/2019; số tiền 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) là tiền bán ma túy cho Trần Thị Hàn L ngày 29/6/2019 và ngày 11/7/2019; số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là tiền bán ma túy cho Nguyễn Khắc T ngày 24/8/2019.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Khắc T và Trần Thị D. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Khắc T phải chịu 36.933.300đ (Ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh P;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Cục THA dân sự tỉnh P;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo,
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS,AV, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Văn Thành